

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận học viên cao học khóa 2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Quyết định số 2822/QĐ-SĐH ngày 04/11/1991 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo cao học cho Trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014;

Căn cứ Quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 3575/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 27/12/2014;

Căn cứ kết quả kỳ thi tuyển sinh và biên bản họp Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 522 thí sinh trúng tuyển kỳ thi cao học Khóa 2016 của Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM (Danh sách học viên kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Học viên cao học có trách nhiệm thực hiện quy chế và được hưởng mọi quyền lợi theo quy chế đào tạo Sau đại học đã ban hành.

Điều 3. Các Ông, Bà Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Phòng Đào tạo Sau đại học, Ban Chủ nhiệm các Khoa/ Bộ môn đào tạo Sau đại học và các học viên có tên trong danh sách ghi ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ Giáo dục Đại học;
- Vụ Kế hoạch Tài chính;
- Lưu HC, VP. SĐH.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
TP. HỒ CHÍ MINH
GS.TS. Nguyễn Hay

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC NĂM 2016

(Kèm theo quyết định số 2785/QĐ-ĐHNL-SDH, ngày 20 tháng 9 năm 2016)

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Ghi chú
1	Lê Đức Anh	Nam	04/11/1982	Đồng Nai	Kỹ thuật Hóa học	
2	Trịnh Huy Cường	Nam	30/10/1990	Thanh Hoá	Kỹ thuật Hóa học	
3	Lưu Thị Hợi	Nữ	20/01/1985	Tây Ninh	Kỹ thuật Hóa học	
4	Lương Ánh Hồng	Nữ	07/08/1992	Ninh Thuận	Kỹ thuật Hóa học	
5	Đặng Nguyễn Minh Khôi	Nam	01/01/1986	Bình Định	Kỹ thuật Hóa học	
6	Lê Thị Thúy Phượng	Nữ	04/02/1977	Tiền Giang	Kỹ thuật Hóa học	
7	Bùi Hữu Tài	Nam	23/09/1988	Lâm Đồng	Kỹ thuật Hóa học	
8	Nguyễn Thái Sa Vin	Nam	02/10/1993	Phú Yên	Kỹ thuật Hóa học	
9	Nguyễn Trung Hiệp	Nam	20/02/1991	Long An	Kỹ thuật Môi trường	
10	Trương Quang Phát	Nam	20/04/1993	Quảng Ngãi	Kỹ thuật Môi trường	
11	Nguyễn Trọng Cầu	Nam	//1986	Tiền Giang	Bảo vệ thực vật	
12	Chu Hồng Châu	Nam	09/07/1978	TP. Hồ Chí Minh	Bảo vệ thực vật	
13	Trần Văn Dũng	Nam	05/09/1989	Đắk Nông	Bảo vệ thực vật	
14	Lê Khánh Duy	Nam	14/12/1993	Tiền Giang	Bảo vệ thực vật	
15	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	12/08/1983	Hà Tĩnh	Bảo vệ thực vật	
16	Nguyễn Thị Diễm Hương	Nữ	13/09/1991	Bến Tre	Bảo vệ thực vật	
17	Nguyễn Thị Thúy Huỳnh	Nữ	17/08/1988	Bến Tre	Bảo vệ thực vật	
18	Trần Thị Mỹ Lệ	Nữ	15/12/1993	Long An	Bảo vệ thực vật	
19	Nguyễn Thanh Phong	Nam	25/07/1991	An Giang	Bảo vệ thực vật	
20	Trần Duy Tân	Nam	23/01/1990	Bến Tre	Bảo vệ thực vật	
21	Trương Chí Thanh	Nam	12/02/1993	An Giang	Bảo vệ thực vật	
22	Đỗ Phạm Thanh Trang	Nữ	21/10/1977	Phú Yên	Bảo vệ thực vật	
23	Nguyễn Thị Thanh Trang	Nữ	08/03/1988	TP. Hồ Chí Minh	Bảo vệ thực vật	
24	Nguyễn Thị Tú Trinh	Nữ	31/12/1991	An Giang	Bảo vệ thực vật	
25	Nguyễn Thị Nguyên Vân	Nữ	20/09/1985	Quảng Nam	Bảo vệ thực vật	
26	Võ Quốc Việt	Nam	01/10/1993	TP. Hồ Chí Minh	Bảo vệ thực vật	
27	Nguyễn Phương Vinh	Nam	10/02/1986	Bình Dương	Bảo vệ thực vật	
28	Nguyễn Trọng Duy	Nam	01/02/1990	Bình Định	CN Chế biến lâm sản	
29	Đoàn Mai Minh Khôi	Nam	23/01/1993	Đồng Nai	CN Chế biến lâm sản	
30	Nguyễn Thành Luân	Nam	14/03/1993	Bình Định	CN Chế biến lâm sản	
31	Đặng Quỳnh Như	Nữ	03/05/1994	Phú Yên	CN Chế biến lâm sản	
32	Đoàn Thị Kim Oanh	Nữ	27/11/1993	Tiền Giang	CN Chế biến lâm sản	
33	Đồng Châu Quang	Nam	15/10/1993	TP. Hồ Chí Minh	CN Chế biến lâm sản	
34	Huỳnh Thị Kim Quí	Nữ	20/01/1992	Khánh Hoà	CN Chế biến lâm sản	
35	Huỳnh Thị Thảo	Nữ	06/10/1992	Bình Thuận	CN Chế biến lâm sản	
36	Bùi Tấn Huy Thiệp	Nam	21/06/1990	Kon Tum	CN Chế biến lâm sản	
37	Trần Bùi Trúc Thur	Nữ	05/03/1991	Tiền Giang	CN Chế biến lâm sản	
38	Mai Xuân Tuấn	Nam	15/12/1990	Đồng Nai	CN Chế biến lâm sản	
39	Nguyễn Văn Điền	Nam	20/07/1978	Bến Tre	Kỹ thuật Cơ khí	
40	Trần Vũ Hùng	Nam	25/12/1971	Bến Tre	Kỹ thuật Cơ khí	



STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Ghi chú
41	Huỳnh Hoa	Nam	Nam	28/01/1979	Bến Tre	Kỹ thuật Cơ khí
42	Đặng Vinh	Quang	Nam	10/10/1974	Quảng Ngãi	Kỹ thuật Cơ khí
43	Lê Hoàn	Son	Nam	19/05/1974	Nam Định	Kỹ thuật Cơ khí
44	Nguyễn Văn	Thỉnh	Nam	18/09/1979	Nam Định	Kỹ thuật Cơ khí
45	Trần Đức	Bình	Nam	15/08/1992	Bình Thuận	Chăn nuôi
46	Thuận Thị Kim	Đình	Nữ	27/09/1993	Ninh Thuận	Chăn nuôi
47	Đỗ Tấn	Dương	Nam	20/01/1992	An Giang	Chăn nuôi
48	Trần Xuân	Lam	Nam	19/08/1993	Bình Định	Chăn nuôi
49	Lê Thị Mỹ	Liên	Nữ	18/01/1991	Tiền Giang	Chăn nuôi
50	Nguyễn Đỗ Như	Quỳnh	Nữ	24/08/1983	TP. Hồ Chí Minh	Chăn nuôi
51	Trần Xuân	Tân	Nam	02/04/1985	Tiền Giang	Chăn nuôi
52	Hồ Văn	Thế	Nam	02/09/1988	Quảng Bình	Chăn nuôi
53	Lê Ngọc	Thủy	Nữ	13/06/1978	Tiền Giang	Chăn nuôi
54	Huỳnh Tổ	Trinh	Nữ	06/07/1987	Sóc Trăng	Chăn nuôi
55	Đinh Bá	Duy	Nam	24/06/1991	Đồng Nai	Công Nghệ Sinh Học
56	Trần Lê Hữu	Duyên	Nam	05/10/1993	Ninh Thuận	Công Nghệ Sinh Học
57	Nguyễn Trường	Giang	Nam	01/01/1988	Thừa Thiên -Huế	Công Nghệ Sinh Học
58	Nguyễn Việt Ngọc	Hạnh	Nữ	10/06/1983	Đồng Nai	Công Nghệ Sinh Học
59	Phan Công	Hoàng	Nam	05/12/1991	Kon Tum	Công Nghệ Sinh Học
60	Nguyễn Đức Thanh	Hùng	Nam	28/08/1993	Gia Lai	Công Nghệ Sinh Học
61	Lê Thành	Hưng	Nam	27/11/1990	Đồng Nai	Công Nghệ Sinh Học
62	Nguyễn Đồng	Khởi	Nam	27/07/1989	Nam Định	Công Nghệ Sinh Học
63	Nguyễn Huỳnh Yến	Linh	Nữ	10/08/1993	Bình Dương	Công Nghệ Sinh Học
64	Tăng Kim	Ngân	Nữ	29/08/1990	Đồng Nai	Công Nghệ Sinh Học
65	Phạm Thị Minh	Ngọc	Nữ	22/11/1993	Đồng Nai	Công Nghệ Sinh Học
66	Chiếng Súi	Sín	Nữ	17/11/1993	Lâm Đồng	Công Nghệ Sinh Học
67	Nguyễn Thanh	Tài	Nam	24/07/1990	TP. Hồ Chí Minh	Công Nghệ Sinh Học
68	Lê Kim	Thạch	Nam	26/10/1987	Đồng Nai	Công Nghệ Sinh Học
69	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	13/06/1993	Bắc Giang	Công Nghệ Sinh Học
70	Phạm Thị	Thu	Nữ	02/11/1987	Bến Tre	Công Nghệ Sinh Học
71	Phạm Minh	Trung	Nam	08/10/1993	Bình Dương	Công Nghệ Sinh Học
72	Lê Hoàng	Tú	Nam	21/06/1988	Tây Ninh	Công Nghệ Sinh Học
73	Kha Nữ Tú	Uyên	Nữ	15/08/1985	Quảng Nam	Công Nghệ Sinh Học
74	Phan Đình	Yến	Nữ	26/11/1990	Long An	Công Nghệ Sinh Học
75	Trương Phi	Yến	Nữ	24/02/1991	Tây Ninh	Công Nghệ Sinh Học
76	Nguyễn Sỹ	Bình	Nam	25/12/1977	Tiền Giang	Công nghệ Thực phẩm
77	Trần Thị Hồng	Châu	Nữ	13/04/1977	Tiền Giang	Công nghệ Thực phẩm
78	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	21/07/1993	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ Thực phẩm
79	Nguyễn Thị Hồng	Gám	Nữ	09/07/1987	Tây Ninh	Công nghệ Thực phẩm
80	Trần Thị Phương	Kiều	Nữ	09/06/1983	Đồng Nai	Công nghệ Thực phẩm
81	Nguyễn Hoàng Thảo	Ly	Nữ	22/05/1989	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ Thực phẩm
82	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	04/04/1992	Bến Tre	Công nghệ Thực phẩm
83	Đàm Thị Bích	Phượng	Nữ	13/11/1979	Tiền Giang	Công nghệ Thực phẩm
84	Trần Hoàng	Quân	Nam	11/06/1979	Tiền Giang	Công nghệ Thực phẩm
85	Bùi Chí	Tâm	Nam	01/02/1985	Bình Thuận	Công nghệ Thực phẩm
86	Liêu Minh	Thơ	Nữ	26/10/1983	Long An	Công nghệ Thực phẩm
87	Lê Thị	Thư	Nữ	08/01/1987	Bình Định	Công nghệ Thực phẩm

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Ghi chú	
88	Phạm Thị Hồng	Thư	Nữ	02/06/1994	Phú Yên	Công nghệ Thực phẩm	
89	Võ Đình	Tín	Nam	10/11/1991	Quảng Trị	Công nghệ Thực phẩm	
90	Phan Thị Ngọc	Anh	Nữ	15/05/1990	Đồng Nai	Lâm học	
91	Nguyễn Mạnh	Dũng	Nam	07/01/1981	Nam Định	Lâm học	
92	Châu Bảo	Duy	Nam	15/06/1988	Gia Lai	Lâm học	
93	Lương Hoàng	Phi	Nam	06/02/1975	Bình Thuận	Lâm học	
94	Phan Văn	Thường	Nam	15/09/1983	Hà Tĩnh	Lâm học	
95	Nguyễn Tấn	Trọng	Nam	02/08/1984	Bình Thuận	Lâm học	
96	Trương Bích	Tuyền	Nữ	08/07/1994	Vĩnh Long	Lâm học	
97	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	25/06/1987	Gia Lai	Lâm học	
98	Nguyễn Văn	Vinh	Nam	10/06/1981	Bình Thuận	Lâm học	
99	Đặng Mai	Anh	Nữ	07/05/1991	Khánh Hoà	QL Tài nguyên & Môi trường	
100	Lê Thị Hoa	Ban	Nữ	01/12/1991	Thanh Hoá	QL Tài nguyên & Môi trường	
101	Huỳnh Phi	Cơ	Nam	09/11/1990	Thừa Thiên -Huế	QL Tài nguyên & Môi trường	
102	Trần Nguyên	Cốp	Nam	09/10/1986	Hà Tĩnh	QL Tài nguyên & Môi trường	
103	Lê Thị	Cúc	Nữ	02/10/1993	Bình Phước	QL Tài nguyên & Môi trường	
104	Hoàng Quốc	Đại	Nam	25/07/1991	Gia Lai	QL Tài nguyên & Môi trường	
05	Nguyễn Lê Tấn	Đạt	Nam	22/03/1992	Đồng Nai	QL Tài nguyên & Môi trường	
106	Lê Thị	Dung	Nữ	20/04/1992	Thanh Hoá	QL Tài nguyên & Môi trường	
107	Lê Thị	Dung	Nữ	27/06/1994	Thanh Hoá	QL Tài nguyên & Môi trường	
108	Nguyễn Ngọc Phước	Dưỡng	Nam	01/12/1990	Khánh Hoà	QL Tài nguyên & Môi trường	
109	Nguyễn Định	Giao	Nam	16/06/1989	Đồng Nai	QL Tài nguyên & Môi trường	
110	Lê Thị	Hà	Nữ	18/06/1983	Thanh Hoá	QL Tài nguyên & Môi trường	
111	Lê Thị Thúy	Hằng	Nữ	27/07/1987	Bình Định	QL Tài nguyên & Môi trường	
112	Hoàng Lê Thảo	Hiền	Nữ	15/10/1993	Đồng Nai	QL Tài nguyên & Môi trường	
113	Trần Nguyên	Hiếu	Nam	09/08/1993	Nghệ An	QL Tài nguyên & Môi trường	
114	Bùi Văn	Hòa	Nam	20/10/1992	Bến Tre	QL Tài nguyên & Môi trường	
115	Nguyễn Tấn	Hưng	Nam	18/01/1992	Bình Định	QL Tài nguyên & Môi trường	
116	Ngô Thị Cẩm	Huyền	Nữ	14/01/1993	Bình Dương	QL Tài nguyên & Môi trường	
117	Vũ Thị Kim	Loan	Nữ	26/06/1991	Đồng Nai	QL Tài nguyên & Môi trường	
118	Trần Đại	Lực	Nam	21/06/1993	Phú Yên	QL Tài nguyên & Môi trường	
119	Nguyễn Công	Mạnh	Nam	07/08/1983	Lâm Đồng	QL Tài nguyên & Môi trường	
120	Nguyễn Sơn	Nam	Nam	10/04/1993	Gia Lai	QL Tài nguyên & Môi trường	
'21	Lê Thanh	Ngọc	Nữ	14/12/1993	TP. Hồ Chí Minh	QL Tài nguyên & Môi trường	
122	Trần Văn	Ngọt	Nam	20/10/1985	Long An	QL Tài nguyên & Môi trường	
123	Phạm Văn	Nguyễn	Nam	29/07/1991	TP. Hồ Chí Minh	QL Tài nguyên & Môi trường	
124	Ngô Quang	Nhâm	Nam	17/08/1992	Nghệ An	QL Tài nguyên & Môi trường	
125	Lê Thanh	Nhật	Nam	05/08/1991	TP. Hồ Chí Minh	QL Tài nguyên & Môi trường	
126	Trương Minh	Nhật	Nam	26/06/1989	Bình Định	QL Tài nguyên & Môi trường	
127	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	Nữ	29/01/1987	TP. Hồ Chí Minh	QL Tài nguyên & Môi trường	
128	Phạm Thị Yến	Nhi	Nữ	06/09/1993	TP. Hồ Chí Minh	QL Tài nguyên & Môi trường	
129	Trương Thị Hoàng	Oanh	Nữ	10/03/1994	Kiên Giang	QL Tài nguyên & Môi trường	
130	Dương Tấn	Phát	Nam	06/02/1987	Tây Ninh	QL Tài nguyên & Môi trường	
131	Tạ Quang	Phú	Nam	03/08/1991	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL Tài nguyên & Môi trường	
132	Nguyễn Hồng	Phước	Nam	06/07/1991	Lâm Đồng	QL Tài nguyên & Môi trường	
133	Nguyễn Minh	Quân	Nam	16/07/1989	Quảng Trị	QL Tài nguyên & Môi trường	
134	Đặng Nhật	Quang	Nam	02/09/1993	Gia Lai	QL Tài nguyên & Môi trường	

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Ghi chú
135	Lê Ngọc Quý	Nam	16/09/1974	Thanh Hoá	QL Tài nguyên & Môi trường	
136	Đinh Xuân Quyết	Nam	02/02/1985	Thanh Hoá	QL Tài nguyên & Môi trường	
137	Nguyễn Đức Tâm	Nam	20/12/1990	Bình Định	QL Tài nguyên & Môi trường	
138	Trịnh Văn Thắng	Nam	06/10/1986	Bắc Giang	QL Tài nguyên & Môi trường	
139	Huỳnh Hữu Thiện	Nam	05/09/1978	Tiền Giang	QL Tài nguyên & Môi trường	
140	Lê Viết Thiện	Nam	19/12/1989	Quảng Nam	QL Tài nguyên & Môi trường	
141	Đàm Nguyễn Duy Thịnh	Nam	29/11/1979	Lâm Đồng	QL Tài nguyên & Môi trường	
142	Nguyễn Quang Thịnh	Nam	10/01/1983	Bình Định	QL Tài nguyên & Môi trường	
143	Ngô Thị Thi Thơ	Nữ	20/04/1993	Ninh Thuận	QL Tài nguyên & Môi trường	
144	Lê Trọng Hữu Thông	Nam	25/06/1990	TP. Hồ Chí Minh	QL Tài nguyên & Môi trường	
145	Huỳnh Minh Thuận	Nam	31/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	QL Tài nguyên & Môi trường	
146	Nguyễn Bích Thuận	Nữ	14/08/1985	TP. Hồ Chí Minh	QL Tài nguyên & Môi trường	
147	Nguyễn Thanh Trúc Thy	Nữ	19/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	QL Tài nguyên & Môi trường	
148	Lê Hoàng Trung	Nam	27/10/1983	Bình Định	QL Tài nguyên & Môi trường	
149	Nguyễn Bá Trường	Nam	23/05/1982	Nghệ An	QL Tài nguyên & Môi trường	
150	Trịnh Xuân Tứ	Nam	02/09/1990	Thanh Hoá	QL Tài nguyên & Môi trường	
151	Đặng Trần Tuấn	Nam	25/06/1978	Bình Định	QL Tài nguyên & Môi trường	
152	Lữ Thanh Tùng	Nam	29/06/1977	Tây Ninh	QL Tài nguyên & Môi trường	
153	Trần Thị Bích Vân	Nữ	20/10/1992	Quảng Ngãi	QL Tài nguyên & Môi trường	
154	Nguyễn Thái Việt	Nam	16/10/1992	Đà Nẵng	QL Tài nguyên & Môi trường	
155	Nguyễn Tường Vũ	Nam	15/08/1992	Khánh Hoà	QL Tài nguyên & Môi trường	
156	Lý Thị Như Ý	Nữ	26/02/1993	Long An	QL Tài nguyên & Môi trường	
157	Đặng Thị Hải Yến	Nữ	06/09/1984	Gia Lai	QL Tài nguyên & Môi trường	
158	Ngô Quốc An	Nam	16/01/1986	Bạc Liêu	Quản lý đất đai	
159	Nguyễn Văn An	Nam	10/10/1973	Bạc Liêu	Quản lý đất đai	
160	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	27/02/1994	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
161	Nguyễn Lâm Bru	Nam	18/10/1989	Tiền Giang	Quản lý đất đai	
162	Trần Thị Cam	Nữ	//1981	Cà Mau	Quản lý đất đai	
163	Hồ Minh Chơn	Nam	21/04/1986	Cà Mau	Quản lý đất đai	
164	Lê Thị Kim Cương	Nữ	01/06/1993	Gia Lai	Quản lý đất đai	
165	Nguyễn Chí Cường	Nam	06/07/1984	Bạc Liêu	Quản lý đất đai	
166	Nguyễn Tấn Cường	Nam	01/12/1982	Cà Mau	Quản lý đất đai	
167	Nguyễn Việt Cường	Nam	27/08/1987	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai	
168	Nguyễn Xuân Cường	Nam	23/04/1981	Hà Nội	Quản lý đất đai	
169	Nguyễn Văn Trung Dang	Nam	12/06/1989	Long An	Quản lý đất đai	
170	Dương Công Danh	Nam	01/06/1991	Gia Lai	Quản lý đất đai	
171	Lê Thanh Danh	Nam	10/02/1980	Cà Mau	Quản lý đất đai	
172	Nguyễn Trường Danh	Nam	12/08/1983	Bạc Liêu	Quản lý đất đai	
173	Trịnh Thị Danh	Nữ	03/12/1979	Thái Bình	Quản lý đất đai	
174	Nguyễn Văn Đạo	Nam	01/01/1969	Bạc Liêu	Quản lý đất đai	
175	Lê Hiền Đệ	Nam	//1990	Cà Mau	Quản lý đất đai	
176	Trần Công Điền	Nam	05/01/1982	Bạc Liêu	Quản lý đất đai	
177	Trịnh Phan Ngọc Diệu	Nữ	22/02/1993	Đồng Tháp	Quản lý đất đai	
178	Trương Văn Đô	Nam	30/11/1973	Long An	Quản lý đất đai	
179	Chung Tấn Đoàn	Nam	26/05/1988	Cà Mau	Quản lý đất đai	
180	Bùi Văn Đồng	Nam	09/08/1993	Hà Tĩnh	Quản lý đất đai	
181	Trịnh Quốc Dũng	Nam	24/10/1980	Đồng Nai	Quản lý đất đai	

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Ghi chú
182	Huỳnh Thế Duy	Nam	07/11/1985	Long An	Quản lý đất đai	
183	Lê Quốc Duy	Nam	28/11/1983	Cà Mau	Quản lý đất đai	
184	Lê Thanh Duy	Nam	25/09/1989	Ninh Thuận	Quản lý đất đai	
185	Đặng Văn Hải	Nam	18/11/1980	Long An	Quản lý đất đai	
186	Đỗ Minh Hải	Nam	15/03/1979	Vĩnh Phúc	Quản lý đất đai	
187	Nguyễn Chí Hải	Nam	07/03/1991	Long An	Quản lý đất đai	
188	Nguyễn Minh Hải	Nam	26/08/1972	Cà Mau	Quản lý đất đai	
189	Nguyễn Nam Hải	Nam	07/11/1968	Hoà Bình	Quản lý đất đai	
190	Vũ Long Hải	Nam	26/05/1993	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai	
191	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	08/02/1985	Bình Phước	Quản lý đất đai	
192	Huỳnh Đức Hào	Nam	20/12/1984	Bạc Liêu	Quản lý đất đai	
193	Trần Lê Nhân Hào	Nam	22/02/1990	Gia Lai	Quản lý đất đai	
194	Trần Quang Hạo	Nam	02/01/1985	Cà Mau	Quản lý đất đai	
195	Nguyễn Thị Kim Hậu	Nữ	09/09/1983	Gia Lai	Quản lý đất đai	
196	Phạm Quang Hiếu	Nam	15/07/1974	Thái Bình	Quản lý đất đai	
197	Lê Thị Thanh Hoa	Nữ	06/07/1993	Gia Lai	Quản lý đất đai	
198	Phạm Thị Tuyết Hoa	Nữ	29/01/1987	Long An	Quản lý đất đai	
199	Nguyễn Thị Mỹ Hòa	Nữ	18/11/1992	Lâm Đồng	Quản lý đất đai	
200	Nguyễn Duy Hoài	Nam	16/12/1986	Cà Mau	Quản lý đất đai	
201	Đinh Ngọc Hoàng	Nam	29/05/1984	Quảng Bình	Quản lý đất đai	
202	Dương Hết Hồn	Nam	01/09/1979	Cà Mau	Quản lý đất đai	
203	Lê Mạnh Hùng	Nam	02/09/1981	Kiên Giang	Quản lý đất đai	
204	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	02/01/1979	Phú Yên	Quản lý đất đai	
205	Quách Văn Hùng	Nam	09/09/1972	Cà Mau	Quản lý đất đai	
206	Đỗ Quang Hưng	Nam	30/07/1975	Vĩnh Phúc	Quản lý đất đai	
207	Dương Hải Hưng	Nam	26/08/1983	Cà Mau	Quản lý đất đai	
208	Trần Phát Hưng	Nam	17/10/1990	Long An	Quản lý đất đai	
209	Ngô Ngọc Huy	Nam	20/11/1986	Nghệ An	Quản lý đất đai	
210	Nguyễn Thanh Huy	Nam	07/02/1982	Long An	Quản lý đất đai	
211	Vũ Đức Huy	Nam	25/10/1990	Nam Định	Quản lý đất đai	
212	Hà Đức Huynh	Nam	24/05/1987	Nghệ An	Quản lý đất đai	
213	Nguyễn Thành Kha	Nam	10/01/1986	Đồng Nai	Quản lý đất đai	
214	Võ Ngọc Tú Khanh	Nữ	06/12/1992	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai	
215	Phạm Đăng Khôi	Nam	24/05/1978	Nam Định	Quản lý đất đai	
216	Trần Duy Khương	Nam	10/07/1982	Cà Mau	Quản lý đất đai	
217	Lê Trung Kiên	Nam	28/05/1975	Thanh Hoá	Quản lý đất đai	
218	Lê Thị Kiều	Nữ	20/08/1988	Bình Định	Quản lý đất đai	
219	Trương Thị Hoàng Lan	Nữ	10/06/1993	Đắk Lắk	Quản lý đất đai	
220	Nguyễn Thanh Liêm	Nam	09/10/1983	Long An	Quản lý đất đai	
221	Phan Thanh Liêm	Nam	10/08/1986	Bạc Liêu	Quản lý đất đai	
222	Ngô Thị Bích Liên	Nữ	27/09/1990	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai	
223	Trần Thị Kim Liên	Nữ	23/07/1983	Thanh Hoá	Quản lý đất đai	
224	Đoàn Thụy Yến Linh	Nữ	07/02/1990	Long An	Quản lý đất đai	
225	Lê Hoàng Long	Nam	07/12/1979	Khánh Hoà	Quản lý đất đai	
226	Dương Đức Luân	Nam	04/08/1983	Bắc Giang	Quản lý đất đai	
227	Trần Văn Luân	Nam	22/02/1992	Long An	Quản lý đất đai	
228	Lại Thị Luyến	Nữ	04/12/1991	Thanh Hoá	Quản lý đất đai	

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Ghi chú
229	Hồ Thị Hồng	Lý	Nữ	05/12/1982	Bạc Liêu	Quản lý đất đai
230	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	30/05/1993	Đắk Lắk	Quản lý đất đai
231	Lương Hồng	Nang	Nam	29/08/1990	Đồng Nai	Quản lý đất đai
232	Vũ Thị	Nga	Nữ	06/02/1988	Hải Dương	Quản lý đất đai
233	Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	19/04/1990	Lâm Đồng	Quản lý đất đai
234	Đặng Thị	Nhâm	Nữ	03/03/1982	Hải Dương	Quản lý đất đai
235	Nguyễn Hiếu	Nhân	Nam	10/05/1978	Bạc Liêu	Quản lý đất đai
236	Phạm Hoài	Nhân	Nam	24/05/1984	Cà Mau	Quản lý đất đai
237	Nguyễn Chí	Nhẫn	Nam	30/11/1980	Cà Mau	Quản lý đất đai
238	Lê Thị Bích	Nhiên	Nữ	20/02/1978	Cà Mau	Quản lý đất đai
239	Huỳnh Tấn	Phát	Nam	16/04/1994	Đồng Tháp	Quản lý đất đai
240	Lê Hải Hồng	Phong	Nam	02/04/1981	Long An	Quản lý đất đai
241	Lý Hoài	Phong	Nam	10/07/1983	Bình Dương	Quản lý đất đai
242	Lê Văn	Phú	Nam	02/03/1988	Thanh Hoá	Quản lý đất đai
243	Huỳnh Việt	Phúc	Nam	17/10/1985	Cà Mau	Quản lý đất đai
244	Trần Hồng Đức	Phước	Nam	07/08/1993	Đồng Nai	Quản lý đất đai
245	Nguyễn Cao	Phương	Nam	27/08/1975	Bình Định	Quản lý đất đai
246	Nguyễn Ngọc	Phương	Nam	15/10/1984	Bạc Liêu	Quản lý đất đai
247	Tiêu Trường	Quý	Nam	15/04/1982	Cà Mau	Quản lý đất đai
248	Ngô Minh	Quyền	Nam	14/07/1974	Cà Mau	Quản lý đất đai
249	Lê Văn	Sáng	Nam	14/04/1981	Thanh Hoá	Quản lý đất đai
250	Nguyễn Thị Hồng	Sen	Nam	20/05/1986	Cà Mau	Quản lý đất đai
251	Đặng Thanh	Son	Nam	25/06/1987	Cà Mau	Quản lý đất đai
252	Nguyễn Hữu	Sung	Nam	22/08/1971	Bình Định	Quản lý đất đai
253	Nguyễn Tiến	Sỹ	Nam	07/12/1991	Gia Lai	Quản lý đất đai
254	Trần Đức	Tại	Nam	01/03/1985	Ninh Bình	Quản lý đất đai
255	Nguyễn Thị Chí	Tâm	Nữ	20/04/1981	Quảng Trị	Quản lý đất đai
256	Trần Văn	Thám	Nam	03/04/1983	Cà Mau	Quản lý đất đai
257	Phan Thị	Thậm	Nữ	20/06/1985	Cà Mau	Quản lý đất đai
258	Phạm Mai	Thắm	Nam	15/01/1983	Cà Mau	Quản lý đất đai
259	Nguyễn Hoài	Thanh	Nam	20/07/1976	Hà Tĩnh	Quản lý đất đai
260	Nguyễn Hồng Duy	Thanh	Nam	12/09/1990	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai
261	Lê Trung	Thảo	Nam	04/11/1977	Cà Mau	Quản lý đất đai
262	Trần Thanh	Thía	Nam	03/08/1978	Cà Mau	Quản lý đất đai
263	Nguyễn Thế	Thiem	Nam	10/05/1977	Bắc Ninh	Quản lý đất đai
264	Nguyễn Hữu	Thịnh	Nam	18/05/1992	Gia Lai	Quản lý đất đai
265	Đỗ Văn	Thọ	Nam	08/09/1975	Quảng Bình	Quản lý đất đai
266	Giang Thị	Thoa	Nữ	21/10/1993	Nam Định	Quản lý đất đai
267	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	08/11/1987	Bình Dương	Quản lý đất đai
268	Nguyễn Hoàng	Thống	Nam	10/02/1982	Gia Lai	Quản lý đất đai
269	Huỳnh Văn	Thừa	Nam	16/03/1991	Cà Mau	Quản lý đất đai
270	Phạm Văn	Thuần	Nam	10/11/1985	Quảng Bình	Quản lý đất đai
271	Cao Thị Mỹ	Thương	Nữ	01/01/1993	Bình Định	Quản lý đất đai
272	Lê Thị Kim	Thuy	Nữ	01/01/1986	Tây Ninh	Quản lý đất đai
273	Lê Phương	Thúy	Nữ	05/09/1992	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai
274	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	26/11/1986	Nghệ An	Quản lý đất đai
275	Trần Thị Thanh	Thúy	Nữ	11/02/1989	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Ghi chú
276	Trần Văn Tia	Nam	18/10/1977	Cà Mau	Quản lý đất đai	
277	Nguyễn Thành Tiên	Nam	07/01/1964	Bình Định	Quản lý đất đai	
278	Nguyễn Tăng Tiến	Nam	05/12/1988	Ninh Thuận	Quản lý đất đai	
279	Phạm Vĩnh Toàn	Nam	29/08/1979	Cà Mau	Quản lý đất đai	
280	Trần Minh Tông	Nam	26/06/1985	Cà Mau	Quản lý đất đai	
281	Nguyễn Thị Như Trâm	Nữ	15/08/1991	Bình Định	Quản lý đất đai	
282	Võ Thị Huyền Trân	Nữ	17/07/1993	Tây Ninh	Quản lý đất đai	
283	Đinh Văn Trang	Nam	01/01/1983	Cà Mau	Quản lý đất đai	
284	Nguyễn Thị thảo Trang	Nữ	29/12/1991	Gia Lai	Quản lý đất đai	
285	Phan Thị Thu Trang	Nữ	20/03/1993	Đồng Nai	Quản lý đất đai	
286	Phùng Thị Xuân Trang	Nữ	02/01/1990	Bình Dương	Quản lý đất đai	
287	Thái Thùy Trang	Nữ	05/09/1985	Đồng Nai	Quản lý đất đai	
288	Ngô Hoàng Trí	Nam	29/07/1986	Long An	Quản lý đất đai	
289	Trần Thanh Triết	Nam	30/04/1973	Cà Mau	Quản lý đất đai	
290	Lương Thành Triệu	Nam	29/11/1985	Long An	Quản lý đất đai	
291	Mai Thành Triệu	Nam	10/05/1968	Cà Mau	Quản lý đất đai	
292	Nguyễn Thành Trung	Nam	18/12/1974	Cà Mau	Quản lý đất đai	
293	Trịnh Minh Trung	Nam	07/03/1971	Cà Mau	Quản lý đất đai	
294	Võ Quốc Trung	Nam	17/02/1993	Long An	Quản lý đất đai	
295	Lê Bá Truyền	Nam	29/12/1976	Cà Mau	Quản lý đất đai	
296	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	01/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai	
297	Võ Văn Tươi	Nam	01/03/1973	Tiền Giang	Quản lý đất đai	
298	Phan Văn Tường	Nam	22/02/1990	Bình Định	Quản lý đất đai	
299	Hồ Huỳnh Tuyển	Nữ	11/02/1985	Long An	Quản lý đất đai	
300	Trần Thị Kim Uyên	Nữ	02/10/1991	Bến Tre	Quản lý đất đai	
301	Đặng Hoàng Vang	Nam	25/07/1985	Tiền Giang	Quản lý đất đai	
302	Hồng Văn Vẹn	Nam	24/12/1982	Cà Mau	Quản lý đất đai	
303	Lê Võ Ngọc Vũ	Nam	14/11/1992	Khánh Hoà	Quản lý đất đai	
304	Lâm Bảo Xuyên	Nam	//1984	Cà Mau	Quản lý đất đai	
305	Nguyễn Thanh Giàu	Nam	07/01/1989	Bình Dương	Nuôi trồng Thủy sản	
306	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	22/11/1993	Cần Thơ	Nuôi trồng Thủy sản	
307	Dương Bình Minh	Nam	07/07/1993	Phú Yên	Nuôi trồng Thủy sản	
308	Lê Trọng Nghĩa	Nam	07/09/1993	Tiền Giang	Nuôi trồng Thủy sản	
309	Trần Thị Kim Nhung	Nữ	13/08/1993	Đồng Tháp	Nuôi trồng Thủy sản	
310	Trịnh Thị Vân Anh	Nữ	28/08/1985	Hà Tĩnh	Khoa học Cây trồng	
311	Nguyễn Thị Ảnh	Nữ	12/05/1992	Bắc Ninh	Khoa học Cây trồng	
312	Nguyễn An Bình	Nam	06/01/1992	Long An	Khoa học Cây trồng	
313	Vũ Văn Chiến	Nam	02/09/1985	Hà Nam	Khoa học Cây trồng	
314	Võ Thị Hồng Đào	Nữ	01/07/1994	Tiền Giang	Khoa học Cây trồng	
315	Dương Văn Định	Nam	03/11/1990	Hà Nam	Khoa học Cây trồng	
316	Nguyễn Thị Dung	Nữ	18/01/1990	Bình Phước	Khoa học Cây trồng	
317	Đặng Minh Duy	Nam	10/05/1985	Bình Thuận	Khoa học Cây trồng	
318	Vũ Thị Hà	Nữ	04/04/1980	Hải Dương	Khoa học Cây trồng	
319	Trương Văn Hải	Nam	07/02/1985	Nghệ An	Khoa học Cây trồng	
320	Tường Thị Thu Hằng	Nữ	25/07/1990	Hung Yên	Khoa học Cây trồng	
321	Nguyễn Như Hiến	Nam	25/10/1982	Thái Bình	Khoa học Cây trồng	
322	Võ Thị Ngọc Hoang	Nữ	10/03/1989	Bình Định	Khoa học Cây trồng	

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Ghi chú
323	Trần Đỗ Hoàng	Nam	20/03/1966	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học Cây trồng	
324	Phạm Tấn Hùng	Nam	19/10/1973	Bình Định	Khoa học Cây trồng	
325	Lê Vĩnh Hưng	Nam	27/11/1992	Kiên Giang	Khoa học Cây trồng	
326	Trần Thị Thu Hương	Nữ	12/07/1994	Bình Định	Khoa học Cây trồng	
327	Trần Thị Hường	Nữ	05/11/1985	Hung Yên	Khoa học Cây trồng	
328	Nguyễn Tây Khoa	Nam	22/06/1991	Tây Ninh	Khoa học Cây trồng	
329	Ngô Thị Minh Khuê	Nữ	01/04/1994	Bình Phước	Khoa học Cây trồng	
330	Nguyễn Cao Kiệt	Nam	04/08/1994	Bến Tre	Khoa học Cây trồng	
331	Nguyễn Thị Nhất Linh	Nữ	05/10/1983	Tây Ninh	Khoa học Cây trồng	
332	Trần Khắc Lĩnh	Nam	21/04/1993	Long An	Khoa học Cây trồng	
333	Ôn Thị Huyền Loan	Nữ	15/02/1993	An Giang	Khoa học Cây trồng	
334	Nguyễn Văn Mãnh	Nam	16/08/1978	Quảng Trị	Khoa học Cây trồng	
335	Lê Thị Trà My	Nữ	18/02/1986	Đồng Nai	Khoa học Cây trồng	
336	Khuê Khúc Kỳ Nguyên	Nam	14/11/1981	Bình Thuận	Khoa học Cây trồng	
337	Đặng Minh Nhựt	Nam	11/10/1992	Bình Dương	Khoa học Cây trồng	
338	Huỳnh Lệ Nương	Nữ	02/10/1985	Bến Tre	Khoa học Cây trồng	
339	Trần Quốc Phong	Nam	12/08/1977	Quảng Ngãi	Khoa học Cây trồng	
340	Nguyễn Nhật Quang	Nam	29/05/1983	Bà Rịa-Vũng Tàu	Khoa học Cây trồng	
341	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	12/04/1994	Tây Ninh	Khoa học Cây trồng	
342	Nguyễn Văn Sánh	Nam	02/02/1982	Quảng Trị	Khoa học Cây trồng	
343	Hồ Quang Thạch	Nam	20/05/1986	Bình Định	Khoa học Cây trồng	
344	Trần Đình Thắng	Nam	16/10/1994	Bình Dương	Khoa học Cây trồng	
345	Trần Văn Thắng	Nam	15/08/1992	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học Cây trồng	
346	Lê Công Minh Thi	Nam	16/03/1991	Kiên Giang	Khoa học Cây trồng	
347	Phan Thị Bé Thơ	Nữ	19/05/1990	Bến Tre	Khoa học Cây trồng	
348	Phạm Hoàng Thương	Nữ	04/04/1993	Phú Yên	Khoa học Cây trồng	
349	Nguyễn Ngọc Phương Thùy	Nữ	30/07/1992	Đồng Nai	Khoa học Cây trồng	
350	Lê Thị Tiên	Nữ	21/04/1984	Thanh Hoá	Khoa học Cây trồng	
351	Trần Đức Tiểu	Nam	01/05/1984	Nghệ An	Khoa học Cây trồng	
352	Đỗ Cao Trí	Nam	09/07/1989	Tây Ninh	Khoa học Cây trồng	
353	Huỳnh Thị Lệ Trinh	Nữ	01/12/1993	Bình Dương	Khoa học Cây trồng	
354	Nguyễn Hữu Tường	Nam	14/04/1992	Gia Lai	Khoa học Cây trồng	
355	Nguyễn Duy Văn	Nam	03/03/1976	Bình Thuận	Khoa học Cây trồng	
356	Từ Phương Bình	Nam	27/09/1978	Tiền Giang	Thú Y	
357	Huỳnh Cẩm Châu	Nam	23/04/1984	Tiền Giang	Thú Y	
358	Ngô Thị Tuyết Đan	Nữ	22/07/1983	Tiền Giang	Thú Y	
359	Võ Hoàng Duy	Nam	02/12/1988	Phú Yên	Thú Y	
360	Huỳnh Ngọc Giàu	Nữ	12/10/1988	Tiền Giang	Thú Y	
361	Hàng Ngọc Hân	Nữ	28/01/1982	Cần Thơ	Thú Y	
362	Lê Phạm Công Hoàng	Nam	06/12/1965	Tiền Giang	Thú Y	
363	Bùi Văn Hưng	Nam	04/04/1970	Tiền Giang	Thú Y	
364	Võ Tuấn Khải Huyền	Nam	15/09/1988	Tiền Giang	Thú Y	
365	Phạm Văn Huỳnh	Nam	07/07/1985	Hải Dương	Thú Y	
366	Lê Quốc Khánh	Nam	07/11/1976	Bến Tre	Thú Y	
367	Phan Thị Ngọc Khen	Nữ	29/09/1986	Tiền Giang	Thú Y	
368	Phạm Thị Thu Lài	Nữ	22/06/1994	Đồng Nai	Thú Y	
369	Trần Tiến Lên	Nam	26/07/1984	Tiền Giang	Thú Y	

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Ghi chú
370	Trương Tấn Liêm	Nam	13/10/1973	Bến Tre	Thú Y	
371	Phạm Tường Linh	Nam	29/03/1979	Tiền Giang	Thú Y	
372	Dương Hồng Phát	Nam	08/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	Thú Y	
373	Nguyễn Văn Phong	Nam	14/06/1987	Tiền Giang	Thú Y	
374	Trần Hồng Phước	Nam	04/05/1975	Long An	Thú Y	
375	Lê Anh Tâm	Nam	24/05/1984	TP. Hồ Chí Minh	Thú Y	
376	Nguyễn Công Thịnh	Nam	25/12/1977	Tiền Giang	Thú Y	
377	Nguyễn Trung Thịnh	Nam	07/09/1987	Tiền Giang	Thú Y	
378	Võ Lê Thuần	Nam	24/06/1993	Long An	Thú Y	
379	Phạm Thanh Thuận	Nữ	10/11/1987	Tiền Giang	Thú Y	
380	Bùi Thị Huyền Thương	Nữ	15/06/1993	Gia Lai	Thú Y	
381	Trần Ngọc Thùy Tiên	Nữ	16/06/1991	Long An	Thú Y	
382	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	29/08/1991	TP. Hồ Chí Minh	Thú Y	
383	Nguyễn Hữu Trí	Nam	01/02/1992	Phú Yên	Thú Y	
384	Bùi Thị Tuyết Trinh	Nữ	04/09/1976	Tiền Giang	Thú Y	
385	Diệp Ngọc Trúc	Nữ	30/04/1986	TP. Hồ Chí Minh	Thú Y	
386	Nguyễn Trung Trục	Nam	11/01/1977	Tiền Giang	Thú Y	
387	Nguyễn Quốc Trung	Nam	06/12/1974	Bến Tre	Thú Y	
388	Nguyễn Văn Trung	Nam	02/02/1985	Bến Tre	Thú Y	
389	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Nữ	26/10/1979	Tiền Giang	Thú Y	
390	Nguyễn Huỳnh Ái	Nam	01/03/1990	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
391	Vũ Thúy An	Nữ	27/09/1992	TP. Hồ Chí Minh	Kinh Tế Nông Nghiệp	
392	Đinh Thị Vân Anh	Nữ	14/03/1983	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
393	Nguyễn Thị Phúc Anh	Nữ	27/09/1983	Hải Dương	Kinh Tế Nông Nghiệp	
394	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	02/03/1982	Phú Thọ	Kinh Tế Nông Nghiệp	
395	Trịnh Thị Lan Anh	Nữ	15/05/1985	Thanh Hoá	Kinh Tế Nông Nghiệp	
396	Nguyễn Xuân Ánh	Nam	11/04/1980	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
397	Đàm Thị Kim Chi	Nữ	11/06/1982	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
398	Nguyễn Hà Chi	Nữ	14/05/1993	Gia Lai	Kinh Tế Nông Nghiệp	
399	Nguyễn Văn Chiến	Nam	12/05/1981	Hà Nam	Kinh Tế Nông Nghiệp	
400	Lương Ngọc Chính	Nam	10/05/1981	Thanh Hoá	Kinh Tế Nông Nghiệp	
401	Lê Thị Quý Chung	Nữ	04/07/1994	Phú Yên	Kinh Tế Nông Nghiệp	
402	Nguyễn Hồng Công	Nam	12/06/1992	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
403	Vũ Thành Công	Nam	20/09/1988	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
404	Lê Thị Kim Cương	Nữ	17/01/1994	Long An	Kinh Tế Nông Nghiệp	
405	Đỗ Mạnh Tường	Nam	20/04/1984	Thái Bình	Kinh Tế Nông Nghiệp	
406	Nguyễn Hữu Cường	Nam	19/10/1984	Nghệ An	Kinh Tế Nông Nghiệp	
407	Phạm Ngọc Xuân Đà	Nam	04/05/1976	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
408	Hà Quang Đàm	Nam	01/02/1974	Hưng Yên	Kinh Tế Nông Nghiệp	
409	Trần Hải Đăng	Nam	20/11/1986	Hà Tĩnh	Kinh Tế Nông Nghiệp	
410	Huỳnh Ngô Tùng Điệp	Nữ	02/06/1977	Quảng Ngãi	Kinh Tế Nông Nghiệp	
411	Nghiêm Xuân Đức	Nam	26/08/1970	Hà Nội	Kinh Tế Nông Nghiệp	
412	Nguyễn Lê Phương Dung	Nữ	06/01/1984	Ninh Thuận	Kinh Tế Nông Nghiệp	
413	Đỗ Đại Dương	Nam	12/12/1986	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
414	Tạ Phạm Hải Duy	Nam	13/09/1992	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
415	Nguyễn Hoàng Giang	Nam	22/03/1975	Bình Định	Kinh Tế Nông Nghiệp	
416	Lê Thị Thu Hà	Nữ	21/01/1976	Hà Nội	Kinh Tế Nông Nghiệp	



STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Ghi chú
417	Nguyễn Huy Hà	Nam	25/01/1982	Hà Nội	Kinh Tế Nông Nghiệp	
418	Nguyễn Thị Hoàng Hà	Nữ	15/03/1980	Quảng Ngãi	Kinh Tế Nông Nghiệp	
419	Vương Dương Lâm Hà	Nam	17/01/1991	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
420	Cao Thiên Hải	Nam	10/01/1985	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
421	Bùi Thụy Bảo Hạch	Nữ	31/05/1985	Bến Tre	Kinh Tế Nông Nghiệp	
422	Nguyễn Hồng Hạch	Nữ	01/01/1992	Ninh Thuận	Kinh Tế Nông Nghiệp	
423	Nguyễn Thị Hồng Hạch	Nữ	11/05/1978	Bà Rịa-Vũng Tàu	Kinh Tế Nông Nghiệp	
424	Nguyễn Thị Mỹ Hạch	Nữ	16/12/1982	TP. Hồ Chí Minh	Kinh Tế Nông Nghiệp	
425	Hà Thị Thu Hậu	Nữ	28/05/1993	Đồng Nai	Kinh Tế Nông Nghiệp	
426	Hồ Hữu Hiếu	Nam	07/10/1982	Nghệ An	Kinh Tế Nông Nghiệp	
427	Nguyễn Thái Minh Hiếu	Nam	10/08/1992	Tây Ninh	Kinh Tế Nông Nghiệp	
428	Đinh Xuân Hoạt	Nam	16/05/1991	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
429	Nguyễn Đăng Hòa	Nam	26/03/1984	Nghệ An	Kinh Tế Nông Nghiệp	
430	Võ Khánh Hiền Hòa	Nữ	10/06/1982	Ninh Thuận	Kinh Tế Nông Nghiệp	
431	Vũ Xuân Hòa	Nam	26/07/1989	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
432	Hà Mạnh Hoan	Nam	25/12/1981	Phú Thọ	Kinh Tế Nông Nghiệp	
433	Bùi Đức Hoàng	Nam	29/09/1993	TP. Hồ Chí Minh	Kinh Tế Nông Nghiệp	
434	Đậu Quang Hồng	Nam	10/06/1987	Nghệ An	Kinh Tế Nông Nghiệp	
435	Nguyễn Thị Thúy Hồng	Nữ	03/09/1987	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
436	Phan Đình Hồng	Nam	23/01/1979	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
437	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	20/04/1990	Quảng Trị	Kinh Tế Nông Nghiệp	
438	Đặng Thị Thu Hương	Nữ	21/02/1994	Bình Phước	Kinh Tế Nông Nghiệp	
439	Trần Quốc Hường	Nam	25/08/1980	Bình Định	Kinh Tế Nông Nghiệp	
440	Huỳnh Phương Huy	Nam	16/03/1984	Ninh Thuận	Kinh Tế Nông Nghiệp	
441	Nguyễn Trọng Huy	Nam	10/10/1989	Bình Thuận	Kinh Tế Nông Nghiệp	
442	Trần Anh Huy	Nam	28/03/1993	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
443	Trương Quốc Huy	Nam	09/05/1976	Gia Lai	Kinh Tế Nông Nghiệp	
444	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	05/10/1979	Hưng Yên	Kinh Tế Nông Nghiệp	
445	Lê Minh Khang	Nam	10/06/1982	Ninh Thuận	Kinh Tế Nông Nghiệp	
446	Vũ An Khang	Nam	01/01/1990	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
447	Nguyễn Thiện Khoa	Nam	10/02/1990	Thái Bình	Kinh Tế Nông Nghiệp	
448	Trường Đăng Khoa	Nam	15/02/1990	Quảng Ngãi	Kinh Tế Nông Nghiệp	
449	Đỗ Chí Khởi	Nam	13/09/1985	Bà Rịa-Vũng Tàu	Kinh Tế Nông Nghiệp	
450	Nguyễn Thị Như Khuyển	Nữ	18/12/1994	Gia Lai	Kinh Tế Nông Nghiệp	
451	Nguyễn Trung Kiên	Nam	03/02/1971	Hà Nội	Kinh Tế Nông Nghiệp	
452	Hồ Hữu Ký	Nam	02/10/1985	Quảng Trị	Kinh Tế Nông Nghiệp	
453	Lê Viết Lâm	Nam	22/06/1981	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
454	Vũ Tiến Lâm	Nam	05/06/1986	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
455	Phạm Hữu Linh	Nam	04/11/1990	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
456	Trần Thị Thảo Linh	Nữ	02/10/1993	Bình Phước	Kinh Tế Nông Nghiệp	
457	Võ Trung Linh	Nam	26/03/1984	Bình Định	Kinh Tế Nông Nghiệp	
458	Phạm Thị Kim Loan	Nữ	19/07/1982	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
459	Cao Thị Thanh Mai	Nữ	26/08/1977	Hưng Yên	Kinh Tế Nông Nghiệp	
460	Trần Hoàng Mị	Nam	20/04/1977	Tiền Giang	Kinh Tế Nông Nghiệp	
461	Nguyễn Tấn Minh	Nam	12/12/1980	Quảng Ngãi	Kinh Tế Nông Nghiệp	
462	Lê Thị Trà My	Nữ	13/11/1989	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
463	Nguyễn Thị Phương Ngân	Nữ	21/02/1993	Ninh Thuận	Kinh Tế Nông Nghiệp	

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Ghi chú
464	Hà Thanh	Nghĩa	Nam	18/05/1992	Gia Lai	Kinh Tế Nông Nghiệp
465	Nguyễn Thúy	Ngọc	Nữ	12/03/1986	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
466	Trần	Ngọc	Nam	20/10/1976	Nghệ An	Kinh Tế Nông Nghiệp
467	Hoàng Bảo	Nguyên	Nam	23/08/1976	Ninh Bình	Kinh Tế Nông Nghiệp
468	Hoàng Việt	Nguyên	Nam	16/08/1988	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
469	Lê Hoàng	Nguyên	Nam	30/08/1989	Quảng Bình	Kinh Tế Nông Nghiệp
470	Nguyễn Phạm Bình	Nguyên	Nam	05/04/1990	Ninh Thuận	Kinh Tế Nông Nghiệp
471	Nguyễn Phan Đức	Nguyên	Nam	27/05/1987	Thái Nguyên	Kinh Tế Nông Nghiệp
472	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	Nữ	04/04/1984	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
473	Lê Thị Thanh	Nhân	Nữ	27/06/1983	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
474	Hoàng Văn	Nhân	Nam	09/06/1987	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
475	Lê Thị Tuyết	Nhung	Nữ	19/07/1988	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
476	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	06/03/1992	Nghệ An	Kinh Tế Nông Nghiệp
477	Trần Thị	Oanh	Nữ	22/05/1977	Nam Định	Kinh Tế Nông Nghiệp
478	Trương Tấn	Phát	Nam	16/01/1979	Bình Định	Kinh Tế Nông Nghiệp
479	Lê Hồng	Phong	Nam	07/10/1981	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
480	Nguyễn Văn	Phòng	Nam	27/07/1985	Bắc Giang	Kinh Tế Nông Nghiệp
481	Lê Văn	Phúc	Nam	28/09/1981	Bình Định	Kinh Tế Nông Nghiệp
482	Nguyễn Bảo	Phúc	Nam	04/08/1990	Ninh Thuận	Kinh Tế Nông Nghiệp
483	Lê Công	Phước	Nam	30/08/1975	Thừa Thiên -Huế	Kinh Tế Nông Nghiệp
484	Dương Thị Lệ	Quyên	Nữ	15/03/1982	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
485	Lê Văn	Quỳnh	Nam	23/03/1990	Nghệ An	Kinh Tế Nông Nghiệp
486	Phan Hồng	Sơn	Nam	04/12/1992	Ninh Thuận	Kinh Tế Nông Nghiệp
487	Trần Văn	Sơn	Nam	10/04/1969	Quảng Bình	Kinh Tế Nông Nghiệp
488	Phạm Dũng	Sỹ	Nam	01/09/1977	Tuyên Quang	Kinh Tế Nông Nghiệp
489	Cao Hoài	Tâm	Nam	15/12/1982	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
490	Vũ Hoàng	Tập	Nam	05/06/1981	Nam Định	Kinh Tế Nông Nghiệp
491	Đào Thị	Thanh	Nữ	17/08/1991	Thái Bình	Kinh Tế Nông Nghiệp
492	Nguyễn Văn	Thanh	Nam	26/06/1970	Bình Định	Kinh Tế Nông Nghiệp
493	Lương Quốc	Thành	Nam	12/01/1989	Bình Định	Kinh Tế Nông Nghiệp
494	Phạm Ngọc	Thành	Nam	15/11/1986	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
495	Tạ Đức	Thành	Nam	15/03/1987	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
496	Lê Xuân	Thảo	Nam	26/02/1989	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
497	Nguyễn Đức	Thiện	Nam	18/07/1987	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
498	Nguyễn Hồng	Thiện	Nam	12/08/1973	Thái Nguyên	Kinh Tế Nông Nghiệp
499	Lâm Thị Mộng	Thu	Nữ	04/09/1979	Trà Vinh	Kinh Tế Nông Nghiệp
500	Võ Thị	Thu	Nữ	06/08/1987	Bến Tre	Kinh Tế Nông Nghiệp
501	Võ Duy	Thuận	Nam	29/11/1986	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
502	Thiều Thị Thanh	Thùy	Nữ	10/07/1990	Gia Lai	Kinh Tế Nông Nghiệp
503	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	Nữ	24/01/1992	Bình Dương	Kinh Tế Nông Nghiệp
504	Vũ Thị Tú	Trinh	Nữ	16/08/1983	Gia Lai	Kinh Tế Nông Nghiệp
505	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	22/09/1994	Tây Ninh	Kinh Tế Nông Nghiệp
506	Trần Quang	Trùng	Nam	04/02/1984	Ninh Bình	Kinh Tế Nông Nghiệp
507	Lê Mạnh	Trường	Nam	23/07/1987	Nam Định	Kinh Tế Nông Nghiệp
508	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	16/08/1980	Nam Định	Kinh Tế Nông Nghiệp
509	Trương Quang	Tuấn	Nam	19/06/1983	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp
510	Nguyễn Văn	Tùng	Nam	25/06/1979	Quảng Ngãi	Kinh Tế Nông Nghiệp

STT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Ghi chú
511	Trần Văn Tươi	Nam	06/01/1974	Hà Nội	Kinh Tế Nông Nghiệp	
512	Bùi Đình Tường	Nam	08/02/1972	Hải Dương	Kinh Tế Nông Nghiệp	
513	Nguyễn Hùng Tuyền	Nam	09/12/1973	Thanh Hoá	Kinh Tế Nông Nghiệp	
514	Nguyễn Quang Tuyền	Nam	27/04/1982	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
515	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	01/03/1982	Tiền Giang	Kinh Tế Nông Nghiệp	
516	Đào Văn Tuyền	Nam	30/01/1981	Hải Phòng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
517	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	06/06/1994	Phú Yên	Kinh Tế Nông Nghiệp	
518	Nguyễn Ngọc Tý	Nam	24/10/1985	Thừa Thiên -Huế	Kinh Tế Nông Nghiệp	
519	Phan Phương Uyên	Nữ	16/08/1976	An Giang	Kinh Tế Nông Nghiệp	
520	Ngô Thị Thúy Vi	Nữ	31/10/1978	Lâm Đồng	Kinh Tế Nông Nghiệp	
521	Hoàng Thị Bình Yên	Nữ	02/12/1992	Hải Dương	Kinh Tế Nông Nghiệp	
522	Nguyễn Thị Kim Yên	Nữ	01/01/1978	Gia Lai	Kinh Tế Nông Nghiệp	

Danh sách gồm 522 học viên Cao học, gồm:

Kỹ thuật Hóa học	8
Kỹ thuật Môi trường	2
Bảo vệ thực vật	17
CN Chế biến lâm sản	11
Kỹ thuật Cơ khí	6
Chăn nuôi	10
Công Nghệ Sinh Học	21
Công nghệ Thực phẩm	14
Lâm học	9
QL Tài nguyên & Môi trường	59
Quản lý đất đai	147
Nuôi trồng Thủy sản	5
Khoa học Cây trồng	46
Thú Y	34
Kinh Tế Nông Nghiệp	133